

PHIẾU AN TOÀN**BỘT NGỌT****Mã số: SDS 025-4****1. NHẬN DẠNG**

Nhận dạng sản phẩm: Bột ngọt	Thông tin nhà sản xuất / xuất khẩu / cung ứng / phân phối: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Điện thoại: (+84)251-3825111, Fax: (+84)251-3825138 Website: www.vedan.com.vn Free Hotline: (+84)1800.599.902
Các nhận dạng khác - Tên hóa học: Monosodium L-Glutamate monohydrate, Sodium 2-aminopentanedioate. - Các tên gọi khác: MSG, Sodium glutamate, Natriumglutamate, Glutamate monosodium salt.	
Mục đích sử dụng: Sử dụng làm phụ gia thực phẩm ở liều lượng thông thường.	
Hạn chế sử dụng: Không sử dụng làm thuốc hoặc không tiêu thụ quá 3 gram bột ngọt mà không kèm với thực phẩm trong một lần.	

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA SẢN PHẨM**Phân loại theo 2012 OSHA Tiêu chuẩn Truyền đạt Thông tin về Nguy hại (29 CFR 1910.1200)**

Nguy hại về sức khỏe:	Các tiêu chí phân loại không đáp ứng
- Độc tính cấp tính: - Ăn mòn/kích ứng da : - Kích ứng mắt: - Hô hấp hoặc da nhạy cảm: - Gây đột biến tế bào: - Gây ung thư: - Độc tính sinh sản: - Độc tính lên một cơ quan cụ thể (tiếp xúc một lần hoặc lặp lại): - Nguy hại khi hít	- Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại
Nguy hại vật lý:	Các tiêu chí phân loại không đáp ứng
- Nổ: - Dễ cháy (khí, sol khí, chất lỏng, hoặc chất rắn): - Oxy hóa (chất lỏng, chất rắn hoặc chất khí): - Tự phản ứng: - Tự bốc cháy (chất lỏng hoặc chất rắn): - Tự tỏa nhiệt: - Peroxit hữu cơ: - Ăn mòn kim loại: - Hóa khí dưới áp suất:	- Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại - Không được phân loại

- Khi tiếp xúc với nước, phát ra khí dễ cháy:	Không được phân loại
Các yếu tố nhãn:	
- Biểu tượng cảnh báo nguy hiểm:	Không có
- Từ tín hiệu:	Không có sẵn
- Cảnh báo nguy hại:	Không có sẵn
- Cảnh báo nguy hiểm :	Không có sẵn
Các nguy hại không được phân loại (HNOG):	Không được phân loại
NFPA 704:	Sức khỏe: 0; tính dễ cháy: 0; khả năng phản ứng: 0
Độc tính cấp tính không biết:	Không có sẵn % hỗn hợp bao gồm các thành phần độc tính chưa biết.

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Hợp chất

Không có thành phần có độc nào được liệt kê trong Quy định (EC) số 1272/2008 (ngày 17/12/2022).

Tên hóa học	Monosodium glutamate	Số NAS	2756
Số CAS	6106-04-3	Mã HS	29224220
Số EC	205-538-1	Số E	E 621

Thành phần	Số CAS	% khối lượng
MSG	6106-04-3	100%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Hít phải:	Thở bằng không khí sạch. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng phát triển và kéo dài.
Tiếp xúc trên da:	Rửa sạch da bằng nước. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng phát triển và kéo dài.
Tiếp xúc theo đường mắt:	Rửa nhẹ nhàng với nước. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng phát triển và kéo dài.
Tai nạn theo đường tiêu hóa:	Sau khi nuốt phải một lượng lớn, tham khảo ý kiến bác sĩ nếu thấy không khỏe.
Hầu hết các triệu chứng/tác dụng quan trọng, cấp tính và chậm:	Không có sẵn.
Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết:	Điều trị các triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp:	Nước, chất tạo bọt.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp:	Không có sẵn.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy:	Không phải là chất dễ cháy. Khi cháy, khí hoặc hơi nguy

	hại có thể sinh ra. Nitơ oxide có thể sinh ra trong quá trình cháy.	
Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:	Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, trang phục bảo hộ theo chức năng. Trong tất cả các lần hỏa hoạn, điều quan trọng là phải sơ tán người đến khu vực an toàn.	
6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ		
Cảnh báo cá nhân, trang phục bảo hộ và quy trình ứng biến khẩn cấp:	Tránh phát sinh bụi; không hít bụi. Không thực hiện bất kỳ hành động nào trừ khi mặc trang phục bảo hộ thích hợp và được hỗ trợ. Đảm bảo đủ thông gió.	
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:	Lau khô các phần bị tràn và sử dụng biện pháp ngăn chặn phù hợp để xử lý. Lau sạch các khu vực bị ảnh hưởng. Không cho phép hóa chất này chảy vào hệ thống thoát nước.	
7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ		
Cảnh báo để xử lý an toàn:	Bảo quản tránh dung môi. Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt. Không hít bụi, sương mù và hơi.	
Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào:	Đóng chặt. Bảo quản nơi khô ráo, ở nhiệt độ phòng.	
8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN		
Giới hạn cho phép tiếp xúc có chú thích:	Không có sẵn	
Hiệp hội Mỹ về vệ sinh công nghiệp chính phủ (ACGIH) giá trị giới hạn ngưỡng (TLVs):	Không có sẵn	
Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:	Sử dụng thông khí thải cục bộ	
Biện pháp bảo vệ cá nhân, như là thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) - Bảo vệ mắt/mặt: - Bảo vệ da: - Bảo vệ hô hấp:	Đeo kính, khẩu trang chất lượng Mặc quần áo, giày và găng tay được chỉ định Thiết bị hô hấp thích hợp	
Những yêu cầu cụ thể cho thiết bị bảo vệ cá nhân:	Thiết bị bảo hộ nên chọn phù hợp với nơi làm việc, phụ thuộc vào nồng độ và hàm lượng các chất độc thao tác. Độ bền với sản phẩm của thiết bị bảo hộ phải được xác định với người cung cấp.	
9. CÁC TÍNH CHẤT LÝ HÓA		
- Ngoại quan:	Tinh thể hoặc bột tinh thể	

- Trạng thái vật lý:	Rắn
- Màu:	<u>Trắng</u>
- Mùi:	Không mùi
- Ngưỡng mùi:	Không có sẵn
- pH:	6.7-7.2 (2% dung dịch)
- Điểm nóng chảy/điểm đóng băng:	Điểm nóng chảy ở 449.6 °F (232 °C)
- Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi:	Không có sẵn
- Điểm cháy:	Không có sẵn
- Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không dễ cháy
- Giới hạn dễ cháy trên/dưới hoặc giới hạn nổ:	Không dễ cháy
- Á p suất hơi:	Không có sẵn
- Tỷ trọng hơi:	Không có sẵn
- Tỷ trọng tương đối:	Không có sẵn
- Độ hòa tan:	Không có sẵn
- Hệ số phân vùng; n-octanol/water:	Không có sẵn
- Nhiệt độ tự bốc cháy:	Không có sẵn
- Nhiệt độ phân hủy:	Không có sẵn
- Độ nhớt:	Không có sẵn
- Công thức phân tử:	$C_5H_8NNaO_4.H_2O$
- Khối lượng phân tử:	187.13 g/mol

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA SẢN PHẨM

- Khả năng phản ứng:	Không có nguy cơ phản ứng
- Mức ổn định hóa học:	Bền ở điều kiện thường
- Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không
- Các điều kiện cần tránh (xả tĩnh, chấn động hoặc rung)	Không có sẵn
- Vật liệu không tương thích	Không có sẵn
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Sinh ra khí đốt nguy hiểm hoặc hơi có thể trong trường hợp hỏa hoạn. Các oxit nitơ có thể sinh ra trong trường hợp hỏa hoạn. Và nước kết tinh được giải phóng khi đun nóng.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau: Theo đường hô hấp: Theo đường tiêu hóa: Tiếp xúc qua da và mắt:	Phân loại không có sẵn Phân loại không có sẵn Phân loại không có sẵn	
Các triệu chứng liên quan đến tính vật lý, hóa học và độc hại của sản phẩm:	Sau khi hấp thụ số lượng lớn, các triệu chứng buồn nôn, nôn, khó thở có thể xảy ra	
Hiệu quả chậm và ngay lập tức, và hiệu quả mãn tính:	Báo cáo FASEB đã xác định một số triệu chứng ngắn hạn, thoáng qua và nói chung là nhẹ, chẳng hạn như nhức đầu, tê, đỏ bừng, ngứa ran, đánh trống ngực và buồn ngủ có thể xảy ra ở một số người nhạy cảm khi tiêu thụ 3 gram bột ngọt trở lên mà không có thức ăn (FDA, 2012)	
Tác nhân gây ung thư (liệt kê trong báo cáo NTP hoặc kỹ yếu của IARC:	Không	
Chất độc hại OSHA:	Các tiêu chí phân loại không đáp ứng	
Ước tính độc tính cấp tính:	Nhìn chung là an toàn	
Sản phẩm	Loài	Kết quả phân tích
Monosodium Glutamate (CAS 6106-04-3)	Chuột	16400 mg/kg
LD50 (Oral)	Chuột đồng	15800 mg/kg

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường (nước và trên cạn):	Không
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy:	Không có sẵn
Khả năng tích lũy sinh học:	Không có sẵn
Độ linh động trong đất:	Không có sẵn
Các tác hại khác:	Không có sẵn

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

- Sản phẩm: Không có nguyên tắc thống nhất theo quy định EC nào cho sự thải bỏ sản phẩm MSG hoặc cặn bã. Cặn bã của MSG thường được tính như là chất thải đặc biệt. Việc xử lý sau được quy định tại các quốc gia thành viên EC thông qua luật pháp và quy định tương ứng. Chúng tôi sẽ giới thiệu với bạn một số cơ quan có thẩm quyền phụ trách hoặc các công ty xử lý chất thải, các cơ quan này sẽ cho bạn những chỉ dẫn làm sao để hủy bỏ chất thải đặc biệt.

- Bao bì: Sự hủy bỏ phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân sản phẩm đó. Nếu không có gì khác thường, bao bì nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

DOT: Không được quy định

TDG: Không được quy định

IATA (air): Không được quy định
IMDG/IMO: Không được quy định

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

❖ Quy định của Liên bang US:

- TSCA 12(b): Không áp dụng
- SARA 313: Không áp dụng
- SARA 311/312 Phân loại nguy hiểm:
 - Độc hại ngay lập tức: Không
 - Độc hại chậm: Không
 - Độc hại cháy: Không
 - Độc hại áp suất: Không
 - Độc hại phản ứng: Không
- Đạo luật Nước uống An toàn (SDWA): Không được quy định
- Đạo luật Thực phẩm và Thuốc: Không được quy định
- Dự luật 65 California: Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được nêu trong Dự luật 65

❖ Các quy định quốc tế khác

- WHMIS Hazard Class: Không kiểm soát
- Phụ gia thực phẩm (EC) 1333/2008: Chất điều vị, điểm 14 Phụ lục I
- Nhãn theo các Chỉ thị EC
 - Cảnh báo: Không có sẵn
 - Pha R: Không có sẵn
 - Pha S: Không có sẵn

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Tài liệu này được cập nhật để phù hợp với Tiêu chuẩn truyền đạt thông tin về hiểm họa US OSHA 2012 để phù hợp với Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất (GHS)

Soạn thảo bởi: Phòng ĐBCL

Lần điều chỉnh cuối: 01/04/2023

Các thông tin ở đây dựa trên kiến thức của chúng tôi. Nó đặc trưng cho sản phẩm với sự quan tâm đến các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Tuy nhiên, nó không đại diện cho sự đảm bảo về các đặc tính của sản phẩm. Cần lưu ý là điều kiện sử dụng có thể thay đổi và có thể không hợp lệ để sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác trong bất kỳ quy trình nào ngoài văn bản.